

1. Danh từ riêng – Proper nouns

Là những danh từ chỉ tên của người và địa điểm cụ thể, chỉ các ngày trong tuần, tên các tôn giáo, các tổ chức, ... Danh từ riêng phải được viết hoa chữ cái đầu để phân biệt nó với các danh từ khác.

Danh từ riêng là tên của người cụ thể:

Ví dụ:

- William Shakespeare was a playwright.
(William Shakespeare là một nhà viết kịch)

Danh từ riêng là tên của một địa điểm cụ thể:

Ví dụ:

- I will be visiting New York next month.
(Tôi sẽ đến thăm New York vào tháng tới)

Danh từ riêng là tên của một ngày cụ thể:

Ví dụ:

- Everyone dislikes Monday mornings.
(Mọi người đều không thích những buổi sáng thứ Hai)

Danh từ riêng là tên một tôn giáo và văn bản tôn giáo:

Ví dụ:

- The holy book of Islam is the Koran.
(Kinh thánh của Hồi giáo là kinh Koran)

2. Danh từ chung – Common nouns

Là những danh từ được dùng để chỉ một loại nói chung của người, địa điểm hoặc sự vật, sự việc. Chỉ được viết hoa khi đứng ở đầu câu.

Ví dụ:

- The boys went to play cricket.
(Các cậu bé đi chơi cricket)

Cả hai từ boys và cricket đều là danh từ chung. Nó không có liên hệ cụ thể là cậu bé nào hay trận cricket cụ thể nào.

- She was trying to answer her phone while buying coffee.

(Cô đã cố gắng để trả lời điện thoại trong khi mua cà phê)

Ở đây điện thoại và cà phê cả hai đều chỉ đối tượng và các đồ uống nói chung.

3. Danh từ trừu tượng – Abstract nouns

Danh từ trừu tượng chỉ những điều chúng ta không thể cảm nhận được qua 5 giác quan: chạm, ngửi, nhìn, nghe, nếm. Danh từ trừu tượng cũng có thể dùng với các trạng thái liên quan đến trí não hoặc dùng để bày tỏ suy nghĩ.

Ví dụ:

- She screamed with great delight.
(Cô reo lên với niềm vui lớn)

Delight là một danh từ trừu tượng – nó nói về trạng thái của tâm trí của một người.

- His bravery in the war won him a medal.

(Bản lĩnh trong chiến tranh của ông đã giúp ông giành được huân chương)

Danh từ trừu tượng bravery được sử dụng để nói đến động lực đằng sau những hành động nào đó thực hiện bởi con người.

4. Danh từ đếm được – Countable nouns

Các danh từ đếm được là các danh từ có cả hai hình thức số ít và số nhiều. Nó có thể kết hợp với động từ số ít hoặc động từ số nhiều trong câu.

Ví dụ:

- I need to buy four new suitcases for my trip.

(Tôi cần mua bốn chiếc vali mới cho chuyến đi của tôi)

Suitcase(s) là một danh từ đếm được, thêm 's' để hình thành dạng số nhiều.

- Does anyone want some oranges?

(Ai muốn có vài quả cam không?)

Orange là danh từ đếm được, số nhiều là oranges

5. Danh từ không đếm được – Uncountable nouns

Ngược với danh từ đếm được là những danh từ không đếm được. Những danh từ này chỉ có một hình thức số ít và sử dụng với động từ số ít trong câu.

Ví dụ:

- The furniture was damaged in moving out.

(Các đồ nội thất đã bị hư hại trong khi chuyển ra ngoài)

Furniture là một danh từ không đếm được và do đó, chúng ta sử dụng động từ số ít "was".

- Is 250gms of sugar enough?

(250gms đường có đủ không?)

Ở đây, đường là một danh từ không đếm được, chỉ có thể xác định bằng cách cân.